

TẤT YẾU VÀ TỰ DO TRONG TRIẾT HỌC ĐÊMÔCRÍT VÀ ÊPIQUYA

VƯƠNG THỊ BÍCH THUY (*)

1. Tất yếu và tự do trong triết học Đêmôcrít

Đêmôcrít (khoảng 460 - 370 TCN.) là một trong các nhà duy vật lớn nhất thời cổ đại. Ông là nhà triết học "chẳng những không lãng xa thế giới mà trái lại, nghiên cứu một cách thực nghiệm giới tự nhiên và là một bộ óc bách khoa đầu tiên trong những người Hy Lạp"(1). Ông đã xây dựng học thuyết về cấu tạo nguyên tử của vật chất mà ở nhiều điểm, rất khác với những quan niệm của các nhà duy vật trước đó (Hêraclít, Anaxago). Ở một số điểm quan trọng, như Vũ trụ luận, học thuyết về xã hội và đặc biệt là lý luận nhận thức, ông đã đưa ra những tư tưởng biện chứng mới mẻ.

Đêmôcrít là nhà triết học đã khẳng định tính phổ biến và tính khách quan, là đại biểu cho quan niệm về tính tất yếu tự nhiên trong triết học Hy Lạp cổ đại. Trong học thuyết về nguyên tử và Vũ trụ, ông đã dành một phần thích đáng để nói về tính tất yếu ấy trên cơ sở luận giải bản chất của tồn tại. Ông giải thích thế giới từ những nguyên nhân vật chất. Theo ông, thế giới khách quan là do những phân tử nhỏ nhất của vật chất - *nguyên tử* - tạo thành. Mọi sự vật và quá trình diễn ra trong đó chỉ là sự hợp tan của các nguyên tử. Nguyên tử là các phân tử nhỏ nhất của vật chất, trong nó có tính quy định và tính tích cực nội tại. Vận động của nguyên tử là vĩnh viễn, nguyên tử vận động theo nhiều hướng khác nhau và trong khi vận động, chúng kết hợp với nhau để hình thành nên những cơn lốc nguyên tử; những cơn lốc này, đến lượt nó, đã hình thành nên Vũ trụ. V.I.Lênin cho rằng, "trong nguyên tử luận,

chúng ta tìm thấy ngay quan niệm về tồn tại tự nó của giới tự nhiên nói chung"(2).

Đêmôcrít cho rằng, tính đa dạng của các nguyên tử dẫn đến tính đa dạng của thế giới, kể cả thế giới của con người. Ông thừa nhận sự tồn tại của các quy luật phổ biến trong tự nhiên, thừa nhận tính chất phổ biến của nguyên nhân, gắn nguyên nhân với tính tất yếu. Theo ông, không một sự vật nào lại xuất hiện mà không có nguyên nhân, mọi cái đều xuất hiện trong mối liên hệ nhân quả và do tính tất yếu chi phối. Tuy nhiên, quan niệm về tính tất yếu ở ông chỉ mang ý nghĩa vật lý, nhằm giải thích các hiện tượng tự nhiên về mặt vật lý học. Khác với Êpiquya, ông coi nguyên tử chỉ là một giả thiết của vật lý học, một công cụ phụ trợ để giải thích các hiện tượng, hoàn toàn giống như việc giải thích tỷ lệ hoá hợp trong hoá học cận đại. Vì vậy, tư tưởng về tính tất yếu ở ông chủ yếu là tư tưởng về tính tất yếu tự nhiên, khi ông giải thích tất yếu là "*lực cản, sự vận động và xung lực của vật chất*"(3). Chính ông đã gọi tính tất yếu là "cơn lốc" và coi dòng xoáy lốc của các nguyên tử là nguyên nhân xuất hiện của các vật thể trong thế giới.

Đêmôcrít đã phát triển học thuyết triết học cho rằng, mọi trật tự diễn ra trong thế giới đều phục tùng tính tất yếu, phục tùng các quy luật khách quan. Ông cho rằng,

(*) Tiến sĩ triết học, Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng.

(1) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Toàn tập*, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.184.

(2) V.I.Lênin. *Toàn tập*, t.29. Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1955, tr.67.

(3) *Các nhà duy vật Hy Lạp cổ đại*. Nxb Sách chính trị quốc gia, Mátxcova, 1955, tr.67.

trật tự tất yếu là hình thức phản chiếu hiện thực, nó tác động trong toàn bộ thế giới, mọi cái tồn tại trong thế giới đều phục tùng tính tất yếu và trong thế giới luôn có sự thống trị của tính tất yếu vĩnh viễn. Trong *Về nguồn gốc các loài động vật*, Arixtốt cho rằng, "Đêmôcrít... quy mọi cái thành sự tất yếu". Theo Đêmôcrít, mọi cái diễn ra trong Vũ trụ đều do sự tất yếu, sự tất yếu ấy chính là số mệnh, là quyền hạn, là đấng sáng tạo ra thế giới. Đặt dưới sự thống trị của cái tất yếu không chỉ có giới tự nhiên vật lý - lĩnh vực của những vật thể vật chất, mà còn có cả thế giới của tính nhân quả tâm lý. Thuyết nguyên tử về linh hồn của Đêmôcrít đã xoá nhoà ranh giới giữa cái tâm lý và cái vật lý. Tính năng động của đời sống tinh thần được đặt dưới quyền lực của quyết định luận chung đã trở thành phổ biến trong tất cả các hiện tượng tự nhiên, tính tất yếu từ lực lượng thần thánh thống trị số phận con người đã biến thành cơn lốc nguyên tử, thành sức mạnh chi phối tất cả các hiện tượng tự nhiên. Tuy nhiên, khi thừa nhận tính tất yếu phổ biến của tồn tại, Đêmôcrít chưa lý giải một cách thấu đáo ở trình độ triết học tính tất yếu là gì. Ở ông, tính tất yếu như là cái gì đó mang sức mạnh của số phận, của định mệnh, vũ trụ tuân theo sự may rủi, vì vậy, ông không khỏi rơi vào thuyết định mệnh.

Trong học thuyết của mình, Đêmôcrít phủ nhận cái ngẫu nhiên (được hiểu theo nghĩa là cái thiếu nguyên nhân). Ông coi ngẫu nhiên là một khái niệm chủ quan che giấu sự không hiểu biết của con người. Theo ông, ngẫu nhiên là cái gì đó xảy ra không theo tự nhiên; nó khác với tất yếu là cái tồn tại phổ biến trong tự nhiên. Vì vậy, ông loại bỏ ngẫu nhiên trong đời sống của con người. Theo Arixtốt, "Đêmôcrít bác bỏ nguyên nhân mục đích, quy tất cả những cái mà giới tự nhiên sử dụng vào tính tất yếu"(4). Ở ông, tự do chưa phải là vấn đề gay gắt của tư duy nhận thức. Với ông, sự

bảo hộ công dân trong một trật tự quy định không có gì mâu thuẫn với hành động tự do và dường như, tự do của cá nhân chỉ bị giới hạn vì những ép buộc của tính tất yếu bên ngoài mà con người không có khả năng thoát ra khỏi. Vì vậy, quan niệm của ông về tất yếu và tự do còn nhiều hạn chế. Tuy vậy, quan điểm về Vũ trụ vĩnh cửu và vô tận, được cấu thành từ vô số nguyên tử luôn vận động và biến đổi của ông là một trong những thành tựu tuyệt vời của phép biện chứng tự phát cổ đại - phác hoạ đầu tiên về biện chứng khách quan của thế giới vật chất.

Sự thừa nhận tính quy luật, tính tất yếu, tính nhân quả phổ biến trong giới tự nhiên là một trong những thành tựu có giá trị của triết học duy vật Hy Lạp cổ đại. Công lao của Đêmôcrít trong lĩnh vực này thật là đáng kể. Tuy nhiên, sai lầm của ông là đã tuyệt đối hoá tính tất yếu, đồng nhất tính tất yếu với tính nhân quả, phủ nhận tính ngẫu nhiên.

2. Tất yếu và tự do trong triết học Êpiquya

Êpiquya (khoảng 341 - 270 TCN.) là nhà triết học đại diện cho tư tưởng khai sáng trong thời cổ đại. Ông là người đã bảo vệ, phát triển quan điểm duy vật của Đêmôcrít và tiếp tục truyền thống tốt đẹp của triết học Hy Lạp cổ đại trong cuộc đấu tranh chống lại các xu hướng duy tâm, thần học. "Êpiquya là một nhà khai sáng cấp tiến thực sự của thời cổ, ông công khai công kích tôn giáo thời cổ, và chủ nghĩa vô thần của người La Mã - trong chừng mực nó tồn tại ở họ - cũng bắt nguồn từ ông"(5).

Tiếp tục đường lối duy vật của triết học cổ đại, trong cuộc đấu tranh chống lại các xu hướng duy tâm và thần học đang lan rộng trong thời kỳ Hy Lạp hoá, Êpiquya đã chống lại và phủ nhận mọi sự can thiệp của tôn giáo, của thần thánh vào đời sống

(4) *Các nhà duy vật Hy Lạp cổ đại*. Sđd., tr.67.

(5) C.Mác và Ph.Ăngghen. Sđd., t.3, tr.186.

và số phận của con người. Triết học Êpiqueya là duy vật và vô thần, bao gồm một số tư tưởng biện chứng quan trọng, trong đó đáng chú ý nhất là tư tưởng về "sự đi chệch tự do" của nguyên tử, về mối liên hệ giữa tất yếu và tự do, về sự phủ định. Các tư tưởng biện chứng đó bao gồm cả ba bộ phận cơ bản của triết học Êpiqueya - vật lý học, đạo đức học và quy tắc luận.

Được phát triển trong vật lý học, học thuyết về "sự đi chệch" của nguyên tử là nguyên mẫu cổ đại về phạm trù mâu thuẫn nội tại với tư cách nguồn gốc của sự tự vận động của vật chất. Chính ở đây, Êpiqueya đã đưa ra tư tưởng về quy luật phát triển tất yếu. Trong đạo đức học, ông đã xem xét mối liên hệ biện chứng giữa tất yếu và tự do, phát triển ý tưởng về khế ước xã hội và được coi là "người đầu tiên đã đưa ra quan niệm cho rằng nhà nước dựa trên sự giao ước giữa người với người, một khế ước xã hội"(6). Ý tưởng này đã mở ra cách tiếp cận biện chứng với việc nhận thức vấn đề Nhà nước và tạo nên cái nền tảng hiện thực làm cơ sở cho triết học của ông. Trong quy tắc luận, ông đã giải thích một cách biện chứng một số vấn đề về quá trình nhận thức chân lý.

Khi coi thế giới cảm tính là hiện tượng khách quan, Êpiqueya đã thừa nhận sự tồn tại của các sự vật, hiện tượng là hiện thực, ở bên ngoài ý thức của con người và độc lập với ý thức ấy. Ông đã đấu tranh chống lại thế giới quan thần luận và mục đích luận, bảo vệ và phát triển học thuyết nguyên tử của Đêmocrit, khắc phục những hạn chế của nó, đồng thời đưa vào học thuyết đó nhiều sự thay đổi mà chủ yếu nhất là tư tưởng về sự "đi chệch" tự phát khỏi đường thẳng của nguyên tử (do những nguyên nhân bên trong gây nên). Ông cho rằng, tất cả mọi cái đang tồn tại trong thế giới đều là kết quả của những sự di chuyển và va chạm của các nguyên tử. Các nguyên tử vận động trong không trung với một tốc độ bằng nhau, có thể va chạm vào nhau trong

trường hợp mà nó tự động đi "chệch" khỏi đường thẳng (do những quy luật bên trong chế ước).

Khi khẳng định rằng, các nguyên tử khác nhau về đại lượng, hình thức và khối lượng (trọng lượng), Êpiqueya đã vượt qua học thuyết của Đêmocrit và tiến gần đến vấn đề về thể tích và trọng lượng của nguyên tử. Theo ông, do có trọng lượng nên sự rơi xuống của nguyên tử được kết hợp với sự đi chệch hướng tự do và nhờ đó mà sự vận động được diễn ra theo đường cong của chúng.

Như vậy, theo Êpiqueya, sự vận động của nguyên tử diễn ra theo ba khuynh hướng - rơi theo đường thẳng, đi chệch khỏi đường thẳng và khuynh hướng thứ ba nảy sinh nhờ rất nhiều nguyên tử đẩy nhau. Việc thừa nhận hình thức chuyển động thứ nhất và cuối cùng là điểm chung, giống với Đêmocrit, còn *sự đi chệch của nguyên tử* ra khỏi đường thẳng là điểm khác nhau giữa Êpiqueya và Đêmocrit. Đêmocrit cũng đã thừa nhận sự xoáy lốc nảy sinh do sự đẩy nhau và va đập của các nguyên tử với nhau là một thực thể tất yếu. Nhưng trong sự đẩy nhau, ông mới chỉ thấy mặt tồn tại vật chất của nguyên tử mà không thấy được mặt ý tưởng mà, theo đó, trong nguyên tử mọi quan hệ với cái khác bị phủ định và sự vận động được giả định như là sự tự xác định.

Êpiqueya là người đầu tiên đã nhận thức được bản chất của sự đẩy nhau (mặc dù là dưới hình thức cảm tính). Theo ông, sự đẩy nhau là hình thức biểu hiện của *tự ý thức*. Trong sự đẩy nhau của các nguyên tử luôn có sự liên kết tổng hợp giữa tính vật chất của chúng, được thể hiện qua sự rơi theo đường thẳng, với sự xác định hình thức vốn có của chúng, thể hiện qua sự chệch hướng. Cái chứa đựng trong sự chệch hướng của nguyên tử là tính độc lập tương đối và sự phủ định mọi quan hệ đối với

(6) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđd.*, t.3, tr.185 - 186.

nguyên tử khác - sự phủ định đó được thực hiện dưới hình thức chính diện - nghĩa là ngay trong sự tồn tại của chính nguyên tử(7). Với giả thuyết này, Êpiquya đã tiến đến gần tư tưởng tìm ra nguồn gốc nội tại của sự tự vận động của vật chất, đã vượt lên trên và khắc phục được xu hướng khắc kỷ chủ nghĩa trong quyết định luận của Đêmoócýt. "Sự chệch hướng của nguyên tử của Êpiquya đã làm thay đổi toàn bộ cấu trúc bên trong của thế giới các nguyên tử nhờ trong thế giới ấy đã phát hiện thấy sự xác định hình thức và sự thực hiện mâu thuẫn chứa đựng trong khái niệm nguyên tử"(8).

C.Mác là người đầu tiên đã chỉ ra nội dung biện chứng trong quan niệm của Êpiquya về sự "đi chệch" của nguyên tử. Trong *Sự khác nhau giữa triết học tự nhiên của Đêmoócýt và triết học tự nhiên của Êpiquya*, C.Mác đã đánh giá cao tư tưởng về sự "đi chệch" này và chỉ ra ý nghĩa chủ đạo của tư tưởng đó trong toàn bộ triết học của Êpiquya. C.Mác viết: "Sự chệch hướng của nguyên tử ra khỏi đường thẳng không phải là một sự xác định đặc biệt, ngẫu nhiên bất gặp được trong vật lý học Êpiquya. Ngược lại, quy luật mà sự xác định ấy biểu thị thì lại xuyên suốt triết học Êpiquya, nhưng điều đương nhiên là tính xác định của sự biểu hiện của nó tùy thuộc vào phạm vi trong đó quy luật ấy được ứng dụng"(9). Cũng ở đây, C.Mác đã khẳng định sự khác biệt mang tính hệ thống giữa Êpiquya và Đêmoócýt và chứng minh điều đó một cách chi tiết trên địa hạt các quan điểm của họ về vật lý học và khoa học tự nhiên. Đêmoócýt và Êpiquya đại diện cho hai quan điểm đối lập nhau ngay trong lòng một trường phái triết học: quan điểm về tính tất yếu tự nhiên và quan điểm về tự do ý chí - ngẫu nhiên của con người. C.Mác chỉ rõ sự đối lập đã phân biệt hai nhà nguyên tử luận Hy Lạp lớn này là ở chỗ, một người giải thích sự vật bằng tính

tất yếu và người kia bằng sự ngẫu nhiên: "Có một điều đúng về phương diện lịch sử: *Đêmoócýt thừa nhận sự tất yếu*, còn *Êpiquya thì thừa nhận tính ngẫu nhiên*, và cả hai ông, với nhiệt tình luận chiến, đều phủ nhận quan điểm đối lập"(10).

Khi khẳng định sự "đi chệch" là thuộc tính của nguyên tử, Êpiquya đã thừa nhận tính khách quan của ngẫu nhiên nói chung và ý chí tự do của con người nói riêng. Ông cho rằng, tính tất yếu là bất di bất dịch, còn ngẫu nhiên thì không cố định. Việc thừa nhận sự "đi chệch" đã mang lại khả năng giải thích mối liên hệ phổ biến và tính quy luật giữa các hiện tượng với quy luật của nó. Nếu ở Đêmoócýt, thế giới chỉ tuân theo tính tất yếu tách khỏi các hiện tượng ngẫu nhiên, thì đến Êpiquya, cả tính tất yếu và tính ngẫu nhiên đều tồn tại, và không chỉ thế, giữa tất yếu và ngẫu nhiên đã có mối liên hệ qua lại với nhau và là thuộc tính vốn có của nguyên tử.

Đối với trường phái *khắc kỷ*, trường phái phát triển song song với trường phái Êpiquya, quan niệm về tự do cũng chỉ dừng lại ở sự phục tùng cái tất yếu. Những người khắc kỷ tìm thấy không phải tự do mà đúng hơn, là sự điều hoà với cái tất yếu. Với họ, chỉ có cái tất yếu thống trị trong thế giới. Cái tự do đứng trước cái tất yếu chỉ có thể là mối quan hệ khuất phục, hoà hợp, chấp nhận. Với quan niệm này, chủ nghĩa khắc kỷ đã coi sự phục tùng cái tất yếu như là sự tự do bên trong và quy tự do về *sự gắn bó*, *sự sùng bái thụ động* trước cái tất yếu. Người anh hùng thật sự trong học thuyết của phái khắc kỷ về tự do không phải là chính tự do, mà là tất yếu. Tự do "*bên trong*" của nhà thông thái khắc kỷ chỉ là sự phục tùng, im lặng, sáng suốt. Với sự phục tùng đó, hành động của anh ta

(7) Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.40, tr.302.

(8) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.40, tr.314.

(9) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.40, tr.309.

(10) C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sđđ.*, t.40, tr.298.

chỉ là hành động bị cưỡng bức từ bên ngoài, chứ không phải là tự do thực sự.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng được đặt ra trong triết học của Êpiquya là từ đâu có thể sinh ra tự do ở cấp độ vĩ mô, nếu như khả năng tự do không tồn tại trong những nguyên tố vật chất của thế giới vật lý - trong chính nguyên tử? Học thuyết "*về sự đi chệch tự do*" của Êpiquya cho thấy những mầm mống của tự do phải được tìm thấy trong thế giới những nguyên tử của Đêmocrit, trong những cơn lốc nguyên tử đang thực hiện những "cái đẩy", "cái hích" một cách tất yếu, không thể cưỡng lại được. Chính là trong thế giới đó, chứ không phải ở một nơi nào đó của các nguyên tử, bởi vì, ngoài nguyên tử chỉ có chân không. Chúng chỉ có thể được tìm thấy trong chính nguyên tử, trong chính sự vận động của nguyên tử với tư cách tính quy định vốn có, bên trong.

Như vậy, học thuyết của Êpiquya về "*sự đi chệch tự do*" đã bao hàm phỏng đoán về mối liên hệ biện chứng giữa tính tất yếu và tự do ý chí. Nếu trước đây, "quy luật của số phận" đã cưỡng chế ý thức của người cổ đại và để lại dấu ấn đậm nét trong quyết định luận của Đêmocrit và phái khắc kỷ, thì nay đã bị phép biện chứng của Êpiquya bác bỏ. Êpiquya đã cho thấy sự độc đáo khi bộc lộ quan điểm mấu chốt trong tư tưởng của mình. Chính ông đã nhìn thấy sự tự do tiềm ẩn nằm trong khả năng các nguyên tử tự ý đi chệch hướng khi chúng rơi trong chân không, từ sự rơi theo đường thẳng do chính tính tất yếu quy định. Trong giả thuyết này có một tư tưởng hết sức quan trọng: tự do có thể được tìm thấy không phải ngoài cái tất yếu hay bên cạnh cái tất yếu, mà ở chính những điều kiện, trong đó trật tự tất yếu của sự vật được biểu hiện ra. Theo ông, nhờ có sự *đi chệch* tự do, tự phát khỏi đường thẳng mà nguyên tử phủ định sự rơi xuống do trọng lượng, cũng như con người, qua tự do của mình, có thể phủ định tính tất yếu khắc nghiệt của số phận.

Với ông, "điều bất hạnh là sống trong sự tất yếu, nhưng sống trong sự tất yếu lại tuyệt nhiên không phải là điều tất yếu. Những con đường dẫn đến tự do đều rộng mở ở khắp nơi, có nhiều con đường ấy, chúng ngắn và dễ dàng. Chúng ta hãy cảm ơn Thượng đế vì không thể giữ được ai trong cuộc sống. Ngăn ngừa chính sự tất yếu - đó là điều được phép"(11).

Trong chủ nghĩa Êpiquya và chủ nghĩa khắc kỷ, vấn đề tự do xuất hiện do nhu cầu của đời sống xã hội. Nó sinh ra từ sự xung đột giữa cá nhân và nhà nước của người cổ đại.

Mỗi con người riêng lẻ, thành viên của một cộng đồng xã hội rộng lớn - tức nhà nước - vừa có ý thức về sự phụ thuộc của mình đối với tính tất yếu của trật tự xã hội, vừa có nhu cầu hành động ngược lại sức mạnh cưỡng bức của mình. Trong khuôn khổ tính tất yếu do nhà nước quy định, con người muốn có tự do. Nhưng người đi tìm tự do, trong quan niệm của phái Êpiquya cũng như phái khắc kỷ, không phải là giai cấp, không phải là nhân dân, không phải là cái toàn thể xã hội siêu cá nhân, mà chỉ là cá nhân nhà thông thái cô lập với xã hội. Đó là những thực thể cô đơn và khép kín. Ở phái Êpiquya, sự cô lập của nhà thông thái được nhấn mạnh nhiều hơn bởi những chuẩn mực chung của đạo đức xã hội. Bởi vậy, dù thể hiện giá trị nhân đạo to lớn, nhưng quan niệm về tự do trong triết học Êpiquya vẫn còn nhiều hạn chế đáng tiếc.

Với những tư tưởng biện chứng quan trọng nói trên, triết học Êpiquya đã được dùng làm tiền đề lý luận để khắc phục chủ nghĩa khắc kỷ, để bảo vệ lập trường duy vật trong cuộc đấu tranh chống lại mục đích luận của Xôcrát và Platôn. Nó cũng để lại nhiều tư tưởng biện chứng về mối quan hệ giữa tất yếu và tự do mà triết học về sau đã kế thừa. □

(11) Dẫn theo: C.Mác và Ph.Ăngghen. *Sdd.*, t.40, tr.296.